

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂY NINH
TRƯỜNG PT DÂN TỘC NỘI TRÚ TỈNH

Biểu mẫu 11

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023.

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	20	Số 1.5m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	20	1.5m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	9	1.5m ² /học sinh
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	3	1.5m ² /học sinh
7	Bình quân lớp/phòng học	1	1.5m ² /học sinh
8	Bình quân học sinh/lớp	30	1.5m ² /học sinh
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	133087	26,4
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1320	2,6
VI	Tổng diện tích các phòng	769	1,5
1	Diện tích phòng học (m ²)	35	1
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	434	0,8

3	Diện tích thư viện (m ²)	79	0,15
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	614	1,2
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	30	0,05
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	1	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	7	7/20
1.1	Khối lớp 6,7,8,9	4	4/12
1.2	Khối lớp 10,11,12	3	3/8
1.3	Khối lớp...		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	78	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	20	20/20
2	Cát xét	2	2/20

3	Đầu Video/đầu đĩa		1			
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		5		5/20	
5	Thiết bị khác...(bảng tương tác, màn hình tivi thông minh)		5		5/20	
	Nội dung	Số lượng (m²)				
X	Nhà bếp	2 (50)				
XI	Nhà ăn	2 (635)				
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú					
	Khu nội trú	108 (4032)	672	6m²		
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	8	8	4/4	8.8	0.3
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 2p/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

Tây Ninh, ngày 05 tháng 9 năm 2023.

Hiệu trưởng



Lê Thị Tươi